**VIỆN DƯỢC LIỆU**
**Chương: 023**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập- tự do- hạnh phúc**

# CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NSNN QUÝ III NĂM 2026

Căn cứ Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài Chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Viện Dược liệu công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý III năm 2026 như sau:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| STT | Nội dung | Dự toán năm 2026 và số dư dự toán năm trước chuyển sang | Ước thực hiện QIII/2026 | Ước thực hiện / Dự toán năm ( Tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước ( tỷ lệ %) |
|---|---|---|---|---|---|
| **A** | **Tổng số thu, chi nộp Ngân sách phí, lệ phí** | | | | |
| **B** | **Dự toán chi Ngân sách nhà nước** | **103.381,9** | **15.725,2** | **0** | **118%** |
| **I** | **Nguồn ngân sách trong nước** | **103.381,9** | **15.725,2** | **15%** | **118%** |
| **1** | **Loại 100 khoản 101; 102; 121: Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số** | **19.398,0** | **-** | **0%** | **50%** |
| | **Loại 100- 101; 102: Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ** | **4.698,0** | **-** | 0% | |

| STT | Nội dung | Dự toán năm 2026 và số dư dự toán năm trước chuyển sang | Ước thực hiện QIII/2026 | Ước thực hiện / Dự toán năm ( Tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước ( tỷ lệ %) |
|---|---|---|---|---|---|
| | *Kinh phí khoán chi* | 3.638,0 | | | |
| | *Kinh phí không khoán chi* | 1.060,0 | | | |
| | **Loại 100- Khoản 121: Chuyển đổi số** | **14.700,0** | **-** | | |
| | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | 14.700,0 | | | |
| **2** | **Loại 070 khoản 082: Giáo dục sau đại học Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ** | **130,0** | **44,9** | **35%** | 206% |
| | Chị thực hiện hoạt động | 117,0 | 44,9 | 38% | 695,5% |
| | Tiết kiệm 10% theo QĐ của Thủ tướng Chính Phủ | 13,0 | | | |
| **3** | **Loại 130- khoản 131: Y tế dự phòng** | **78.258,1** | **15.395,1** | **20%** | |
| **3.1** | **Kinh phí thường xuyên giao tự chủ** | **418,8** | **-** | **0%** | |
| | Kinh phí thực hiện Cải cách tiền lương | 380,0 | | 0% | |
| | Viện Dược Liệu- cơ sở 3B Quang Trung | 23,3 | | 0% | |
| | Trung tâm nghiên cứu dược liệu SaPa | 15,6 | | 0% | |
| **3.2** | **Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ** | **77.839,3** | **15.395,1** | | |
| **3.2.1** | **Kinh phí hoạt động thường xuyên** | **47.277,0** | **11.671,9** | **22%** | **108%** |
| | Viện Dược Liệu- cơ sở 3B Quang Trung | 29.099,0 | 7.492,2 | 26% | 116% |
| | Trung tâm trồng và chế biến cây thuốc Hà Nội | 6.756,0 | 1.544,9 | 23% | 95% |
| | Trung tâm nghiên cứu dược liệu SaPa | 2.685,0 | 616,2 | 23% | 119% |
| | Trung tâm nghiên cứu dược liệu Bắc Trung Bộ | 4.097,0 | 1.103,3 | 27% | 107% |
| | Trung tâm Sâm và dược liệu TP.HCM | 4.640,0 | 915,3 | 20% | 88,4% |

| STT | Nội dung | Dự toán năm 2026 và số dư dự toán năm trước chuyển sang | Ước thực hiện QIII/2026 | Ước thực hiện / Dự toán năm ( Tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước ( tỷ lệ %) |
|---|---|---|---|---|---|
| **3.2.2** | **Kinh phí thực hiện CCTL từ nguồn không tự chủ** | **1.854,0** | | | |
| **3.2.3** | **Kinh phí chi lập Quỹ thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP** | **1.769,0** | **-** | **0%** | **-** |
| | Viện Dược Liệu- cơ sở 3B Quang Trung | 977,0 | - | 0% | |
| | Trung tâm trồng và chế biến cây thuốc Hà Nội | 308,0 | | 0% | |
| | Trung tâm nghiên cứu dược liệu SaPa | 107,0 | | 0% | |
| | Trung tâm nghiên cứu dược liệu Bắc Trung Bộ | 187,0 | | 0% | |
| | Trung tâm Sâm và dược liệu TP.HCM | 190,0 | | 0% | |
| **3.2.4** | **Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khác** | **26.939,3** | **3.723,2** | | |
| | - Nhiệm vụ về dược liệu, triển khai các Chương trình được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt | 10.000,0 | 827,9 | 8% | 81% |
| | - Nhiệm vụ Sửa chữa TSCĐ | 7.500,0 | 1.206,0 | 16% | 11167% |
| | - Nhiệm vụ mua sắm TSCĐ | 9.439,3 | 1.689,3 | 18% | 100% |
| **4** | **Loại 280 - Khoản 282: Chương trình Mục tiêu Quốc gia** | **5.595,8** | **285,3** | | |
| | Nguồn thường xuyên không giao tự chủ | 5.595,8 | 285,3 | 5,10% | 100% |
| **II** | **Nguồn vốn viện trợ** | - | | | |
| **III** | **Nguồn vốn vay nợ nước ngoài** | - | | | |

*Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2026*

**Thủ trưởng đơn vị**

VIỆN DƯỢC LIỆU

**Trần Minh Ngọc**